

BỘ CÔNG THƯƠNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4041** /BCT-NL
V/v hướng dẫn điều chỉnh DT công
trình XD CB chuyên ngành điện
theo TT 05/2009/TT-BXD.

Hà Nội, ngày **06** tháng **5** năm 2009

Kính gửi:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Các Sở Công Thương.

Ngày 10 tháng 10 năm 2008 Chính phủ ban hành Nghị định số 110/2008/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 23/2008/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu vùng đối với công ty nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ; Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 05/2009/TT-BXD ngày 15 tháng 4 năm 2009 hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình.

Để hướng dẫn các đơn vị áp dụng các bộ Đơn giá XD CB chuyên ngành đã được Bộ Công Thương công bố dùng cho các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước, để điều chỉnh dự toán chi phí theo các văn bản hướng dẫn trên, Bộ Công Thương hướng dẫn như sau:

I. Điều chỉnh dự toán xây lắp:

Các tập đơn giá do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) đã công bố được điều chỉnh theo hướng dẫn tại văn bản này bao gồm:

- Đơn giá XD CB chuyên ngành Lắp đặt, thí nghiệm và hiệu chỉnh thiết bị và đường dây thông tin điện lực ban hành kèm theo Quyết định số 05/2000/QĐ-BCN ngày 21 tháng 01 năm 2000.

- Đơn giá XD CB chuyên ngành xây dựng đường dây tải điện ban hành kèm theo Quyết định số 285/QĐ-NLĐK ngày 23 tháng 2 năm 2004.

- Đơn giá XD CB lắp đặt trạm biến áp ban hành kèm theo Quyết định số 286/QĐ-NLĐK ngày 23 tháng 02 năm 2004.

- Đơn giá XD CB công tác khoan đặt cáp điện ngầm bằng máy khoan ngầm có định hướng ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-NLĐK ngày 11 tháng 6 năm 2003.

- Đơn giá XD CB công tác lắp đặt, sửa chữa đường dây điện và trạm biến áp đang mang điện tới cấp điện áp 35kV ban hành kèm theo Quyết định số 1353/QĐ-NLĐK ngày 11 tháng 6 năm 2003.

- Đơn giá XDCCB chuyên ngành lắp đặt thiết bị Nhà máy nhiệt điện ban hành kèm theo Quyết định số 1685/QĐ-BCN ngày 15 tháng 5 năm 2007.

Đơn giá phân xây dựng trạm biến áp khi áp dụng theo đơn giá XDCCB thống nhất của các địa phương do UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành (hoặc công bố) thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng địa phương nơi ban hành (hoặc công bố).

Việc điều chỉnh các khoản mục chi phí trong dự toán xây lắp được thực hiện như sau:

1. Chi phí nhân công và chi phí máy thi công:

Chi phí nhân công và chi phí máy thi công trong dự toán công trình lập theo các bộ Đơn giá nêu trên được điều chỉnh bằng cách nhân với hệ số điều chỉnh nhân công (K^{DCNC}) và hệ số điều chỉnh máy thi công (K^{DCMTC}) trong Phụ lục kèm theo văn bản này.

2. Các khoản mục chi phí tính bằng định mức tỷ lệ (%) trong giá trị dự toán xây lắp công trình xây dựng (chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng đầu ra): được tính theo quy định hiện hành.

Nội dung các khoản mục chi phí trong giá trị dự toán xây lắp hạng mục công trình xây dựng như các quy định hiện hành.

II. Điều chỉnh một số khoản mục chi phí khác:

1. Về dự toán chi phí khảo sát xây dựng chuyên ngành điện:

Bộ Công Thương đã ban hành văn bản số 3936/BCT-NLTK ngày 13 tháng 12 năm 2007 công bố các tập định mức – đơn giá chuyên ngành điện, trong đó có tập định mức khảo sát xây dựng các công trình điện số 2361/QĐ-NLTK ngày 17 tháng 9 năm 2003. Trên cơ sở các quy định hiện hành về thang bảng lương, các chế độ phụ cấp đặc thù cho công tác khảo sát các công trình điện, Tập đoàn Điện lực Việt Nam khẩn trương hoàn thành dự thảo bộ định mức – đơn giá hiệu chỉnh công tác khảo sát xây dựng chuyên ngành các công trình điện, trình Bộ Công Thương xem xét, công bố.

Trong thời gian chưa công bố bộ định mức – đơn giá khảo sát chuyên ngành điện hiệu chỉnh, các đơn vị căn cứ tập định mức số 2361/QĐ-NLTK đã được công bố, hướng dẫn tại các Thông tư số 05/2009/TT- BXD, số 12/2008/TT- BXD ngày 07 tháng 5 năm 2008 của Bộ Xây dựng và các văn bản hướng dẫn liên quan khác, lập và phê duyệt dự toán chi phí khảo sát xây dựng công trình điện.

2. Điều chỉnh dự toán chi phí công tác quy hoạch phát triển điện lực: xác định trên cơ sở tập Đơn giá Quy hoạch phát triển điện lực ban hành kèm theo Quyết định số 3836/QĐ-BCN ngày 22 tháng 11 năm 2005 của Bộ Công nghiệp được điều chỉnh với hệ số theo bảng sau:

Mức LTT	800.000 đồng/tháng	740.000 đồng/tháng	690.000 đồng/tháng	650.000 đồng/tháng
Hệ số điều chỉnh (K^{DCQHDL})	1,703	1,621	1,552	1,497

3. Một số khoản mục chi phí khác: tính bằng định mức tỷ lệ % trong giá trị dự toán công trình xây dựng (chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế VAT): được tính theo các quy định hiện hành.

III. Tổ chức thực hiện:

Thực hiện theo các quy định, hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại mục III – Thông tư số 05/2009/TT-BXD ngày 15 tháng 4 năm 2009.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết./.

- Nơi nhận:**
- Như trên;
 - Lưu VT, NL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hữu Hào



PHỤ LỤC

Kèm theo văn bản số 4041 /BCT-NL ngày 06 tháng 5 năm 2009

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH CHI PHÍ NHÂN CÔNG VÀ MÁY THI CÔNG TRONG DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐIỆN THEO HƯỚNG DẪN CỦA TT SỐ 05/2009/TT-BXD NGÀY 15/4/2009

S T T	Tên bộ đơn giá XDCB chuyên ngành điện	Mức LTT tính trong Bộ đơn giá CND (đ/tháng)	Hệ số điều chỉnh ứng với các mức LTT quy định tại Nghị định 110/2008/NĐ-CP							
			800.000 đ/tháng		740.000 đ/tháng		690.000 đ/tháng		650.000 đ/tháng	
			K ^{ĐC} NC	K ^{ĐC} MTC	K ^{ĐC} NC	K ^{ĐC} MTC	K ^{ĐC} NC	K ^{ĐC} MTC	K ^{ĐC} NC	K ^{ĐC} MTC
1	Đơn giá Lắp đặt, thí nghiệm và hiệu chỉnh ĐZ thông tin ĐL số 05/2000/QĐ-BCN	144.000	7,680	1,100	7,104	1,092	6,624	1,084	6,240	1,079
2	Đơn giá XDCB chuyên ngành xây lắp đường dây tải điện số 285/QĐ-NLĐK	290.000	3,784	1,515	3,500	1,493	3,264	1,469	3,075	1,452
3	Đơn giá XDCB chuyên ngành Lắp đặt trạm biến áp số 286/QĐ-NLĐK	290.000	3,804	1,475	3,519	1,452	3,281	1,429	3,091	1,412
4	Đơn giá XDCB công tác khoan đặt cáp điện ngầm bằng máy khoan ngầm có định hướng số 1352/QĐ-NLĐK	290.000	3,754	1,080	3,472	1,071	3,238	1,065	3,050	1,059
5	Đơn giá XDCB công tác lắp đặt, sửa chữa ĐZ và TBA đang mang điện tới cấp điện áp 35kV số 1353/QĐ-NLĐK	290.000	4,010	1,000	3,709	1,000	3,458	1,000	3,258	1,000
6	Đơn giá Thí nghiệm điện ĐZ và TBA số 1426/QĐ-BCN	350.000	2,286	1,029	2,114	1,026	1,971	1,023	1,857	1,021
7	Đơn giá Lắp đặt thiết bị Nhà máy nhiệt điện số 1685/QĐ-BCN	450.000	1,778	1,269	1,644	1,223	1,533	1,184	1,444	1,154

**TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1080 /NPT-ĐT XD**

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2009

V/v hướng dẫn điều chỉnh dự toán
công trình XDCB chuyên ngành lưới
điện theo TT 05/2009/TT-BXD.

Kính gửi: Các đơn vị trong Tổng công ty

Ngày 10/10/2008 Chính phủ ban hành Nghị định số 110/2008/NĐ-CP Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động, tiếp theo Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 05/2009/TT-BXD ngày 15/4/2009 hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình và Bộ Công Thương có văn bản số 4041/BCT-NL ngày 06/5/2009 hướng dẫn điều chỉnh dự toán công trình xây dựng cơ bản chuyên ngành điện theo Thông tư 05/2009/TT-BXD.

Kèm theo công văn này, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia sao gửi Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng, văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương để các đơn vị biết và thực hiện, riêng đối với bảng tổng hợp dự toán chi phí xây dựng công trình lưới điện Tổng công ty có hướng dẫn chi tiết như phụ lục kèm theo.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì đề nghị các đơn vị phản ánh về Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV-NPT (để b/c);
- Bộ Công thương (để b/c);
- EVN (để b/c);
- Các Phó TGD (để c/d);
- Công ty CP Tư vấn XD Điện I; 2; 3; 4 (p/h);
- Viện Năng lượng (p/h);
- Các Ban: KH, KT, VT&CNTT,
TCKT, TTBV&PC;
- Lưu: VP, ĐTXD. ph

TỔNG GIÁM ĐỐC





theo công văn số 1080/NPT-ĐT XD ngày 08/5/2009 của NPT)

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Kết quả
I	Chi phí trực tiếp:	VL + NC + M + TT	T
1	Chi phí vật liệu	$\sum_{j=1}^m Q^j \times D^{jvl} + VLC + CL_{vl}$	VL
2	Chi phí nhân công	$\sum_{j=1}^m Q^j \times D^{jnc} \times (1 + F_1/h_{1n} + F_2/h_{2n}) \times K^{DC}_{NC}$	NC
3	Chi phí máy thi công	$\sum_{j=1}^m Q^j \times D^{jm} \times K^{DC}_{MTC}$	M
4	Trực tiếp phí khác	$1,5\% \times (VL + NC + M)$	TT
	<i>Cộng chi phí trực tiếp</i>	<i>VL + NC + M + TT</i>	<i>T</i>
II	Chi phí chung	P x T	C
	<i>Giá thành dự toán xây dựng</i>	<i>T + C</i>	<i>Z</i>
III	Thu nhập chịu thuế tính trước	(T + C) x tỷ lệ quy định	TL
IV	Bù (trừ) chênh lệch vật tư nhập (nếu có)	$\sum_{j=1}^m p_j \times \Delta_{ivtnh}$	CL_{nh}
	Giá trị dự toán xây lắp trước thuế	$T + C + TL + CL_{nh}$	G
V	Thuế giá trị gia tăng đầu ra	G x T^{XD}_{GTGT}	GTGT
	Giá trị dự toán xây lắp sau thuế	G + GTGT	G_{XDCPT}
	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	$G \times \text{tỷ lệ quy định} \times T^{XD}_{GTGT}$	G _{XDLT}

Trong đó:

Q^j : Khối lượng công tác xây lắp thứ j.

D^{jvl} , D^{jnc} , D^{jm} : Chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công trong đơn giá XD CB của công tác xây lắp thứ j.

VLC : Giá trị vật liệu chính chưa được tính trong bộ Đơn giá XD CB (nếu có), giá trị này bao gồm cả vật tư A cấp và vật tư B cấp.

CL_{vl} : Chênh lệch vật liệu giữa giá tại thời điểm lập dự toán và giá trong các Bộ đơn giá (nếu có).

- F_1 : Các khoản phụ cấp lương (nếu có) tính theo tiền lương tối thiểu mà chưa được tính hoặc chưa tính đủ trong các bộ đơn giá XD/CB.
- F_2 : Các khoản phụ cấp lương (nếu có) tính theo tiền lương cấp bậc mà chưa được tính hoặc chưa tính đủ trong các bộ đơn giá XD/CB.
- h_{1n} : Hệ số biểu thị quan hệ giữa chi phí nhân công trong đơn giá so với tiền lương tối thiểu của nhóm lương thứ n theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004:
Nhóm I: $h_{1,1} = 3,167$; Nhóm II: $h_{1,2} = 3,363$; Nhóm III: $h_{1,3} = 3,709$
- h_{2n} : Hệ số biểu thị quan hệ giữa chi phí nhân công trong đơn giá so với tiền lương cấp bậc của nhóm lương thứ n theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004:
Nhóm I: $h_{2,1} = 1,345$; Nhóm II: $h_{2,2} = 1,340$; Nhóm III: $h_{2,3} = 1,332$
- K^{DC}_{NC} : Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công theo hướng dẫn tại văn bản số 4041/BCT-NL ngày 06/5/2009 của Bộ Công Thương.
- K^{DC}_{MTC} : Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công theo hướng dẫn tại văn bản số 4041/BCT-NL ngày 06/5/2009 của Bộ Công Thương.
- P : Định mức tỷ lệ chi phí chung (%) theo hướng dẫn tại Phụ lục số 1 kèm theo công văn số 421/NPT-ĐTXD ngày 14/8/2008 của NPT và Bảng 2.4 thuộc Phụ lục số 2 của Thông tư 05/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007.
- TL : Thu nhập chịu thuế tính trước. Định mức tỷ lệ thu nhập chịu thuế tính trước (%) theo hướng dẫn tại Phụ lục số 1 kèm theo công văn số 421/NPT-ĐTXD ngày 14/8/2008 của NPT và Bảng 2.4 thuộc Phụ lục số 2 của Thông tư 05/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007.
- G : Giá trị dự toán xây dựng công trình chính, phụ trợ, tạm phục vụ thi công sau thuế.
- CL_{nh} : Chênh lệch vật liệu nhập ngoại so với giá trị vật liệu tính trong dự toán (nếu có).
- p_i : Khối lượng vật tư nhập ngoại chủng loại (i).
- Δ_{ivnh} : Mức chênh lệch giá vật tư nhập ngoại chủng loại (i).
- T^{XD}_{GTGT} : Mức thuế suất thuế giá trị gia tăng quy định cho công tác xây dựng.
- G_{XDLT} : Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công.
- Z : Giá thành dự toán xây dựng.
- GTGT : Tổng số thuế giá trị gia tăng đầu ra (gồm thuế giá trị gia tăng đầu vào để trả khi mua các loại vật tư, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng... và phần thuế giá trị gia tăng mà doanh nghiệp xây dựng phải nộp).

Phụ lục

(Ban hành kèm theo văn bản số 1080/NPT-ĐT XD ngày 08 tháng 5 năm 2009)

QUY ĐỊNH DANH MỤC CÁC ĐỊA BÀN ÁP DỤNG MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG THEO NGHỊ SỐ 110/2008/NĐ-CP NGÀY 10/10/2008 CỦA CHÍNH PHỦ

1. Vùng I, gồm các địa bàn:

- Các quận và thành phố Hà Đông thuộc thành phố Hà Nội;
- Các quận thuộc thành phố Hồ Chí Minh;

2. Vùng II, gồm các địa bàn:

- Các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Từ Liêm, Thường Tín, Hoài Đức, Đan Phượng, Thạch Thất, Quốc Oai và thành phố Sơn Tây thuộc thành phố Hà Nội;

- Các huyện thuộc thành phố Hồ Chí Minh;
- Các quận và các huyện Thủy Nguyên, An Dương thuộc thành phố Hải Phòng;
- Các quận, huyện thuộc thành phố Đà Nẵng;
- Các quận Ninh Kiều, Bình Thủy thuộc thành phố Cần Thơ;
- Thành phố Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh;

- Thành phố Biên Hoà, thị xã Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom thuộc tỉnh Đồng Nai;

- Thị xã Thủ Dầu Một và các huyện Thuận An, Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên thuộc tỉnh Bình Dương;

- Thành phố Vũng Tàu và huyện Tân Thành thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Vùng III, gồm các địa bàn:

- Các thành phố trực thuộc tỉnh (trừ các thành phố thuộc tỉnh nêu tại vùng II);
- Các huyện còn lại thuộc thành phố Hà Nội;

- Thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn và các huyện Quế Võ, Tiên Du, Yên Phong thuộc tỉnh Bắc Ninh;

- Thành phố Bắc Giang và các huyện Việt Yên, Yên Dũng thuộc tỉnh Bắc Giang;

- Thị xã Hưng Yên và các huyện Mỹ Hào, Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ thuộc tỉnh Hưng Yên;

- Thành phố Hải Dương và các huyện Cẩm Giàng, Nam Sách, Chí Linh, Kim Thành, Kinh Môn thuộc tỉnh Hải Dương;

- Thành phố Vĩnh Yên, thị xã Phúc Yên thuộc tỉnh Vĩnh Phúc;

- Các huyện còn lại thuộc thành phố Hải Phòng;

- Thành phố Móng Cái, các thị xã Uông Bí, Cẩm Phả thuộc tỉnh Quảng Ninh;

- Thành phố Đà Lạt, thị xã Bảo Lộc thuộc tỉnh Lâm Đồng;

- Thành phố Nha Trang, thị xã Cam Ranh thuộc tỉnh Khánh Hoà;

- Huyện Trảng Bàng thuộc tỉnh Tây Ninh;

- Các huyện còn lại thuộc tỉnh Bình Dương;

- Các huyện còn lại thuộc tỉnh Đồng Nai;

- Thị xã Tân An và các huyện Đức Hoà, Bến Lức, Cần Đước thuộc tỉnh Long An;

- Các quận, huyện còn lại thuộc thành phố Cần Thơ;

- Thị xã Bà Rịa và các huyện Châu Đức, Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Vùng IV, gồm các địa bàn còn lại.